

UBND TỈNH PHÚ THỌ
SỞ LAO ĐỘNG
THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /LĐT BXH-VLATLĐ
V/v hướng dẫn đánh giá, hồ sơ các tiêu chí: xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, khu dân cư nông thôn mới và khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu giai đoạn 2021-2025 thuộc lĩnh vực Lao động - Xã hội.

Phú Thọ, ngày tháng 10 năm 2022

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- UBND các huyện, thành, thị.

Thực hiện Quyết định số 757/QĐ-LĐT BXH ngày 18/8/2022 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu lĩnh vực lao động, xã hội thuộc Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2516/QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh Về việc ban hành Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới và Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu trên địa bàn tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 2517 /QĐ-UBND ngày 23/9/2022 của UBND tỉnh Phú Thọ Về việc ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2025.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới, xã nông thôn mới nâng cao, khu dân cư nông thôn mới, khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu tỉnh Phú Thọ giai đoạn 2021-2025 thuộc lĩnh vực Lao động, Xã hội như sau:

1. Tiêu chí về “Nghèo đa chiều”.

1.1. Đánh giá.

a) Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới về tiêu chí “Nghèo đa chiều” là xã có tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 theo kết quả rà soát định kỳ hằng năm dưới 13%.

b) Xã được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao về tiêu chí “Nghèo đa chiều” là xã có tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 theo kết quả rà soát định kỳ hằng năm dưới 8%.

c) Khu dân cư được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới về tiêu chí “Nghèo đa chiều” là khu dân cư có tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 theo kết quả rà soát định kỳ hằng năm dưới 13%.

d) Khu dân cư được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu về tiêu chí “Nghèo đa chiều” là khu dân cư không có hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2022 -

2025 theo kết quả rà soát định kỳ hằng năm (trừ số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động).

1.2. Đối tượng, phạm vi thống kê và phương pháp tính toán.

a) Tỷ lệ nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 của xã/khu được xác định bằng tổng tỷ lệ hộ nghèo và hộ cận nghèo đa chiều theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022 - 2025 (trừ số hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động).

b) Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của xã (khu) được xác định bằng cách chia tổng số hộ nghèo đa chiều (trừ số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận theo kết quả rà soát định kỳ hằng năm trên địa bàn cho tổng số hộ dân cư trên địa bàn xã/khu (trừ số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động) theo công thức sau đây:

$$\text{Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (\%)} = \frac{\text{Tổng số hộ nghèo đa chiều (trừ số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động)}}{\text{Tổng số hộ dân cư (trừ số hộ nghèo đa chiều không có khả năng lao động)}} \times 100$$

c) Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều của xã/khu được xác định bằng cách chia tổng số hộ cận nghèo đa chiều (trừ số hộ cận nghèo không có khả năng lao động) được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có quyết định công nhận theo kết quả rà soát định kỳ hằng năm trên địa bàn cho tổng số hộ dân cư trên địa bàn xã/khu (trừ số hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động) theo công thức sau đây:

$$\text{Tỷ lệ hộ cận nghèo đa chiều (\%)} = \frac{\text{Tổng số hộ cận nghèo đa chiều (trừ số hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động)}}{\text{Tổng số hộ dân cư (trừ số hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động)}} \times 100$$

Trong đó: Hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều không có khả năng lao động là hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều không có thành viên trong độ tuổi lao động hoặc có thành viên trong độ tuổi lao động nhưng mất khả năng lao động.

2. Tiêu chí về “Lao động”

2.1 Chỉ tiêu “Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)”.

a) Đánh giá.

- Xã đạt chỉ tiêu “Tỷ lệ lao động qua đào tạo” trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới là xã có tỷ lệ lao động qua đào tạo $\geq 70\%$.

- Xã đạt chỉ tiêu “Tỷ lệ lao động qua đào tạo” trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao là xã có tỷ lệ lao động qua đào tạo $\geq 75\%$.

- Khu dân cư đạt tiêu chí “ Tỷ lệ lao động qua đào tạo ” trong Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới là khu dân cư có tỷ lệ lao động qua đào tạo $\geq 70\%$.

b) Đối tượng, phạm vi thống kê và phương pháp tính toán.

- Đối tượng, phạm vi thống kê: Thống kê số người từ đủ 15 tuổi trở lên có việc làm hoặc thất nghiệp trong thời kỳ tham chiếu đã hội đủ các yếu tố sau đây:

+ Người đã được đào tạo ở một trường hay một cơ sở đào tạo chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và đã tốt nghiệp, đã được cấp bằng/chứng chỉ chứng nhận đạt một trình độ chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ nhất định, gồm chứng chỉ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ sơ cấp, trung cấp nghề, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng chuyên nghiệp, đại học và trên đại học (thạc sỹ, tiến sỹ, tiến sỹ khoa học).

+ Người chưa qua một trường lớp đào tạo nhưng tự học, được truyền nghề hoặc vừa làm vừa học nên có được kỹ năng, tay nghề tương đương với bậc 1 của công nhân kỹ thuật cùng nghề có bằng/chứng chỉ và đã làm công việc này từ 3 năm trở lên (hay còn gọi là công nhân kỹ thuật không bằng/chứng chỉ).

- Phương pháp tính toán: Tỷ lệ lao động có việc làm qua đào tạo được tính toán theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ lao động qua đào tạo (\%)} = \frac{\text{Số lao động qua đào tạo}}{\text{Lực lượng lao động}} \times 100\%$$

c) Hồ sơ dẫn chứng.

Danh sách lao động qua đào tạo, từ đủ 15 tuổi trở lên có việc làm hoặc thất nghiệp trong thời kỳ tham chiếu thuộc đối tượng quy định tại tiết b, điểm 2.1, mục 2 nêu trên.

2.2 Chỉ tiêu: “Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)”.

a) Đánh giá.

- Xã đạt chỉ tiêu: “Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ” trong bộ tiêu chí xã nông thôn mới là xã có tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ $\geq 20\%$.

- Xã đạt chỉ tiêu: “Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ” trong bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao là xã có tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ $\geq 25\%$.

- Khu dân cư đạt tiêu chí “Tỷ lệ lao động qua đào tạo” trong Bộ tiêu chí khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu là khu dân cư có tỷ lệ lao động qua đào tạo $\geq 20\%$.

b) Đối tượng, phạm vi thống kê và phương pháp tính toán.

- Đối tượng, phạm vi thống kê: Thống kê người lao động đã qua đào tạo, có bằng cấp, chứng chỉ từ đủ 15 tuổi trở lên có việc làm hoặc thất nghiệp trong thời kỳ tham chiếu, đã được đào tạo ở một trường hay một cơ sở đào tạo chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ thuộc hệ thống giáo dục quốc dân và đã tốt nghiệp, đã được cấp bằng/chứng chỉ chứng nhận đạt một trình độ chuyên môn, kỹ thuật,

nghiệp vụ nhất định, gồm chứng chỉ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia, chứng chỉ đào tạo, chứng chỉ sơ cấp, trung cấp nghề, cao đẳng nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng chuyên nghiệp, đại học và trên đại học (thạc sỹ, tiến sỹ, tiến sỹ khoa học).

- Phương pháp tính toán: Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ được xác định bằng cách chia số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ cho lực lượng lao động theo công thức sau đây:

$$\text{Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (\%)} = \frac{\text{Số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ}}{\text{Lực lượng lao động}} \times 100\%$$

c) Hồ sơ dẫn chứng.

Danh sách lao động qua đào tạo từ đủ 15 tuổi trở lên có việc làm hoặc thất nghiệp trong thời kỳ tham chiếu, đã tham gia các chương trình giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học, sau đại học và được cấp văn bằng, chứng chỉ (mẫu 02).

2.3 Chỉ tiêu 12.3 - Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn.

a) Đánh giá.

UBND các huyện, thành, thị căn cứ các Nghị quyết, Chương trình hành động của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, các đề án, kế hoạch của UBND tỉnh, và địa phương để xác định ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn. Trên cơ sở đó xác định rõ tỷ lệ lao động làm việc tại các ngành kinh tế chủ lực địa phương của năm báo cáo.

Xã được công nhận xã đạt nông thôn mới nâng cao đạt chỉ tiêu 12.3, Tiêu chí 12: **Là xã có tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn $\geq 30\%$.**

b) Đối tượng, phạm vi thống kê và phương pháp tính toán.

- Đối tượng, phạm vi thống kê: Thống kê toàn bộ người lao động đang làm việc các ngành kinh tế chủ lực tại địa phương.

- Phương pháp tính toán.

Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn được xác định bằng cách chia số lao động làm việc trong ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn cho lực lượng lao động trên địa bàn theo công thức sau đây:

$$\text{Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn (\%)} = \frac{\text{Số lao động làm việc trong ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn}}{\text{Lực lượng lao động trên địa bàn}} \times 100\%$$

c) Hồ sơ dẫn chứng.

- Báo cáo đánh giá kết quả rà soát thông tin về lao động tại thời điểm tham chiếu.

- Tài liệu chứng minh việc xác định ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn xã (*ng nghị quyết, quyết định, kế hoạch, ... chuyên đề về việc xác định ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn hoặc có chứa nội dung xác định ngành kinh tế chủ lực*).

- Danh sách lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn (*mẫu số 03*).

3. Tiêu chí số 18 về “Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật”.

- Chỉ tiêu số 18.5 về “Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội”.

Xã đạt chỉ tiêu: “Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội” trong bộ tiêu chí xã nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025 là xã đạt các chỉ tiêu sau:

a) Có cán bộ nữ trong Ban Thường vụ Đảng ủy cấp xã¹ hoặc có ít nhất 01 nữ lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã. Nữ lãnh đạo chủ chốt ở cấp xã bao gồm: Bí thư đảng ủy xã, phó bí thư đảng ủy xã, chủ tịch xã, phó chủ tịch xã, chủ tịch Hội đồng nhân dân, phó chủ tịch hội đồng nhân dân hoặc có cán bộ nữ được quy hoạch đề khi khuyết thực hiện bố trí vào vị trí chủ chốt này theo quy định.

b) Có ít nhất 30% phụ nữ tham gia hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực hoặc mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường). Phương pháp tính thực hiện theo công thức như sau:

$$\frac{\text{Tỷ lệ phụ nữ tham gia hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực hoặc mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường) (\%)}}{\text{Tổng số phụ nữ tham gia hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực hoặc mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường)}} = \frac{\text{Tổng số người tham gia hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực hoặc mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường)}}{\text{Tổng số người tham gia hợp tác xã, dự án giảm nghèo, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực hoặc mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường)}} \times 100$$

¹ Theo Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30 tháng 5 năm 2019 của Bộ Chính trị về Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng

c) Không có trường hợp tảo hôn, cưỡng ép kết hôn; Tỷ số giới tính khi sinh đảm bảo đạt chỉ tiêu theo kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021 - 2030 của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

d) Có ít nhất 01 địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh ở cộng đồng đạt chuẩn hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình theo quy định tại Quyết định số 1814/QĐ-LĐTBXH ngày 18 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc ban hành Quy định tiêu chuẩn tạm thời về điều kiện tối thiểu của địa chỉ tin cậy - nhà tạm lánh tại cộng đồng.

đ) Bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em trong số các công chức cấp xã hoặc người hoạt động không chuyên trách bằng văn bản của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã như quyết định, thông báo hoặc quy chế phân công nhiệm vụ.

e) Có Tổ chức phối hợp liên ngành về trẻ em cấp xã hoặc Nhóm thường trực bảo vệ trẻ em cấp xã thực hiện tốt nhiệm vụ theo quy định (Có quyết định thành lập, quy chế làm việc).

g) Tỷ lệ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn được trợ giúp bảo đảm đạt chỉ tiêu theo Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2021-2030 của tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Việc xác định “trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được trợ giúp” thực hiện theo Thông tư số 13/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Bộ chỉ tiêu thống kê về tình hình trẻ em và tình hình xâm hại trẻ em, xử lý vi phạm hành chính đối với các hành vi xâm hại trẻ em (Thông tư số 13/2021/TT-BLĐTBXH).

h) 100% số vụ việc trẻ em bị xâm hại được phát hiện được hỗ trợ, can thiệp kịp thời theo quy định tại Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em, Thông tư số 13/2021/TT-BLĐTBXH ngày 30/9/2021.

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội đề nghị Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thành, thị chỉ đạo Văn phòng điều phối chương trình xây dựng nông thôn mới các cấp, UBND các xã xác lập hồ sơ đề nghị công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới có đủ thông tin, tài liệu dẫn chứng hoàn thành các Tiêu chí, Chỉ tiêu theo quy định, làm cơ sở thẩm định, đề nghị xét công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới giai đoạn 2021-2025./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- GD, PGD Sở (Ô. Tuấn);
- Phòng LĐTBXH các HTT;
- BTXHTEBĐG, GDNN;
- Lưu VT, VLATLĐ (Ng-10b).

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Trần Minh Tuấn